

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 50/2020/DS-PT
Ngày 11-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Trần Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 292/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2020/QĐ-HPT ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1960; địa chỉ: TX, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn L, sinh năm 1970 và bà Lương Thị V, sinh năm 1974; địa chỉ: TX, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lương Thị V: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: TX, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 16/7/2020); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Ngô Thị Th là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Th và vợ chồng ông Ngô Văn L, bà Lương Thị V là hàng xóm. Do quen biết nên nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2.200.000 đồng, vào các ngày: Ngày 20/10/1996 cho bị đơn vay 1.500.000 đồng; ngày 22/10/1996 cho bị đơn vay 200.000 đồng; ngày 20/12/1996 cho bị đơn vay số tiền là 500.000 đồng. Các lần vay đều thỏa thuận lãi suất cho

vay là 3%/tháng. Khi cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận thời hạn trả tiền nhưng sau đó hai bên đã thống nhất thời hạn vay đến tháng 12/2004 thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn cả tiền gốc và tiền lãi. Bị đơn đã nhận đủ tiền vay và cũng đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 3.230.000 đồng, sau đó bị đơn không trả thêm khoản tiền nào. Việc trả tiền lãi do ông L giao trực tiếp cho nguyên đơn, khi thanh toán tiền nguyên đơn giao cho ông L một bản tính lãi, không có ai chứng kiến việc giao nhận tiền giữa nguyên đơn và ông L. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 2.200.000 đồng và tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là 842.642.600 đồng. Sau đó nguyên đơn giảm số tiền yêu cầu bị đơn phải trả xuống còn 83.640.700 đồng.

Ngoài ra khoảng cuối năm 1996 đầu năm 1997 nguyên đơn có nhờ ông L sửa chữa 01 máy xay giò do máy xay giò bị thùng nồi. Do thời gian đã lâu nguyên đơn không nhớ nhãn hiệu cũng như nước sản xuất hay công suất của máy xay giò. Sau đó nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng ông L không trả. Do nguyên đơn đòi nhiều lần thì ông L có viết một giấy biên nhận thể hiện là có giữ hộ nguyên đơn 01 máy mô tơ 2,2kw nhưng giấy này không đúng sự thật do nguyên đơn không để ý. Nay, nguyên đơn đề nghị ông L phải trả cho nguyên đơn trị giá máy xay giò tại thời điểm xét xử bằng 8.000.000 đồng.

Trình bày và đề nghị của bị đơn : Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn về số tiền, thời gian vay, lãi suất vay như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Quá trình vay bị đơn đã trả nguyên đơn số tiền khoảng 6.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ viết giấy thanh toán số tiền 3.230.000 đồng, còn lại không viết giấy. Khi trả tiền chỉ có ông L và nguyên đơn, không có ai chứng kiến. Nay nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn đồng ý trả khoản tiền gốc và tiền lãi từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, không đồng ý với cách tính lãi như nguyên đơn đã tính và yêu cầu.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ông L phải trả nguyên đơn trị giá của chiếc máy xay giò tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 8.000.000 đồng thì ông L không đồng ý vì ông chỉ giữ hộ nguyên đơn 01 mô tơ của máy xay giò. Thời điểm đó chiếc máy xay giò của nguyên đơn bị hỏng mô tơ nên nguyên đơn nhờ ông sửa chữa hộ mô tơ. Sau khi sửa xong ông có yêu cầu nguyên đơn nhận lại nhưng nguyên đơn không nhận lại. Do thời gian đã lâu ông không còn nhớ nhãn hiệu và nước sản xuất mà chỉ nhớ đó là mô tơ công suất 2,2kw và chiếc mô tơ này đã cũ hỏng, han rỉ và hiện không còn. Ông L đã viết giấy biên nhận thể hiện có giữ hộ nguyên đơn 01 mô tơ máy xay giò chứ không phải cả chiếc máy xay giò. Nay nguyên đơn yêu cầu ông phải thanh toán trị giá chiếc máy xay giò là 8.000.000 đồng thì ông không đồng ý mà ông chỉ đồng ý trả trị giá 01 mô tơ máy xay giò theo kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

264, Điều 467, Điều 468, Điều 471, Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 166, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Th: Buộc ông Ngô Văn L và bà Lương Thị V phải trả nợ cho bà Ngô Thị Th tổng số tiền tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2020 là 4.802.852 đồng (trong đó nợ gốc là 2.200.000 đồng, tiền lãi là 2.602.852 đồng). Buộc ông Ngô Văn L phải trả cho bà Ngô Thị Th trị giá trung bình 01 mô tơ công suất 2,2kw tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Ngô Văn L và bà Lương Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả cho bà Ngô Thị Th; ông Ngô Văn L còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của số tiền tài sản phải trả cho bà Ngô Thị Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/11/2020, bà Ngô Thị Th kháng cáo bản án Tòa án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất theo quy định và chiếc máy xay giò.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày bản án sơ thẩm là không đúng, đề nghị buộc bị đơn phải trả số tiền lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận khi cho vay hoặc mức lãi suất theo mức lãi suất mà ngân hàng đã cho nguyên đơn vay chứ không phải mức lãi suất như Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Xét phạm vi, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn các tài liệu chứng cứ thu thập được không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do vụ án có

kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, pháp luật áp dụng: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Do vậy căn cứ Điều 157 Bộ luật Dân sự, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là có cơ sở. Đối với yêu cầu kiện đòi tài sản là 01 máy xay giò của bà Ngô Thị Th. Đây là yêu cầu kiện đòi tài sản, do vậy căn cứ Điều 155 Bộ luật Dân sự, hướng dẫn tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì không áp dụng thời hiệu. Điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 quy định giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11, thỏa thuận về lãi suất cho vay của các đương sự không phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 để giải quyết là có căn cứ.

[3] Về số tiền vay nợ: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp như giấy vay tiền, giấy trả tiền, lời trình bày thừa nhận của các bên đương sự có đủ căn cứ xác định ông Ngô Văn L và bà Lương Thị V vay của bà Ngô Thị Th số tiền vào các lần cụ thể sau: Ngày 20/10/1996 vay số tiền 1.500.000 đồng; ngày 22/10/1996 vay số tiền 200.000 đồng; ngày 20/12/1996 vay số tiền 500.000 đồng; tổng số tiền là 2.200.000 đồng, thỏa thuận tháng 12/2004 sẽ trả cả gốc và lãi. Số tiền bà Ngô Thị Th cho vay là của riêng bà Ngô Thị Th và bà Ngô Thị Th chỉ cho ông Ngô Văn L và bà Lương Thị V vay, không liên quan đến ai. Căn cứ điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 2.200.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng.

[4] Về số tiền nợ lãi đã trả: Giấy vay nợ không ghi lãi suất vay nhưng các bên đều thừa nhận lãi suất vay là 3%/01 tháng. Các đương sự trình bày không thống nhất về số tiền lãi đã trả, thời điểm trả. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và sự trình bày của các đương sự Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 3.230.000 đồng tiền lãi là có cơ sở.

[5] Về lãi suất và số tiền lãi phải trả: Mặc dù các bên đương sự đều thừa nhận lãi suất vay theo thỏa thuận là 3%/tháng. Tuy nhiên, tại thời điểm vay thì mức lãi suất thỏa thuận đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 473 Bộ luật Dân sự năm 1995 và khoản 2 Điều 1 Quyết định số 266/QĐ-NH1 ngày 27/9/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bị đơn đề nghị Tòa án tính lại tiền lãi trên nợ gốc từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi được Tòa án cấp sơ thẩm tính lại có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không được vượt quá 50% (không quá 1,5 lần) của lãi suất cao nhất do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với loại cho vay tương ứng tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 266/QĐ-NH1 ngày 27/9/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lãi suất cho vay tối đa là 1,35%/tháng. Như vậy, lãi suất thỏa thuận của các đương sự không được vượt quá 50% của mức 1,35%/tháng tương ứng với 2,025%/tháng. Theo đó: Tiền lãi của 1.500.000 đồng từ ngày 20/10/1996 đến ngày 31/12/2004 là: $1.500.000 \text{ đồng} \times 2,025\%/\text{tháng} \times 98 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 2.987.887 \text{ đồng}$; tiền lãi của 200.000 đồng từ ngày 22/10/1996 đến ngày 31/12/2004 là: $200.000 \text{ đồng} \times 2,025\%/\text{tháng} \times 98 \text{ tháng} 9 \text{ ngày} = 398.115 \text{ đồng}$; tiền lãi của 500.000 đồng từ ngày 22/12/1996 đến ngày 31/12/2004 là: $500.000 \text{ đồng} \times 2,025\%/\text{tháng} \times 96 \text{ tháng} 9 \text{ ngày} = 975.037 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ 01/01/2005 đến ngày 28/9/2020 với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 919/QĐ-NHNN ngày 12/5/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 4,25%/năm là: $2.200.000 \text{ đồng} \times 4,25\%/\text{năm} \times 15 \text{ năm} 08 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 1.471.813 \text{ đồng}$.

Vậy, tổng số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $2.987.887 \text{ đồng} + 398.115 \text{ đồng} + 975.037 \text{ đồng} + 1.471.813 \text{ đồng} = 5.832.852 \text{ đồng}$. Đối trừ với số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 3.230.000 đồng, số tiền lãi còn phải trả là: $5.832.852 \text{ đồng} - 3.230.000 \text{ đồng} = 2.602.852 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.602.852 đồng.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Ngô Văn L phải trả trị giá 01 chiếc máy xay giò là 8.000.000 đồng: Ông Ngô Văn L chỉ đồng ý thanh toán trị giá 01 mô tơ máy xay giò theo kết quả định giá của Hội đồng định giá. Nguyên đơn khai bà Lương Thị V cũng biết việc nguyên đơn gửi ông Ngô Văn L 01 máy xay giò nhưng bà Lương Thị V không thừa nhận có biết việc này. Người làm chứng chỉ thừa nhận là nguyên đơn có nhờ nói với ông Ngô Văn L là trả cho nguyên đơn chiếc máy xay giò chứ không phải xác nhận việc ông Ngô Văn L có giữ của nguyên đơn 01 chiếc máy xay giò và cũng không chứng kiến việc nguyên đơn gửi ông Ngô Văn L 01 chiếc máy xay giò. Người làm chứng trình bày nguyên đơn có nói chuyện về việc cái máy xay giò bị hỏng nên có mang sang nhà ông Ngô Văn L để chữa còn nguyên đơn mang máy xay giò sang nhà ông Ngô Văn L vào thời gian nào và ai mang sang thì không chứng kiến và cũng không biết nhãn hiệu, công suất của máy xay giò. Theo giấy biên nhận của ông Ngô Văn L thì có căn cứ xác định ông Ngô Văn L có giữ của nguyên đơn 01 mô tơ có công suất 2,2 kw. Do thời gian đã lâu, mô tơ 2,2kw không còn, các bên đương sự không nhớ chính xác nhãn hiệu, nước sản xuất nhưng nguyên đơn đồng ý để ông Ngô Văn L trả bằng giá trị tiền và ông Ngô Văn L cũng đồng ý thanh toán theo trị giá tại Kết luận định giá của Hội đồng định giá. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ngô Văn L phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng là giá trị trung bình của 01 mô tơ công suất 2,2kw tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Từ các phân tích tại phần [3], [4], [5] và [6] nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn L và bà Lương Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vay nợ phải trả cho nguyên đơn. Chia kỷ phần, ông Ngô Văn L phải chịu 150.000 đồng, bà Lương Thị V phải chịu 150.000 đồng. Ông Ngô Văn L còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự đối với số tiền là giá trị chiếc mô tô phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu số tiền án phí đối với khoản tiền không được chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên nguyên đơn là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 264, Điều 467, Điều 468, Điều 471, Điều 473 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 166, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Th: Buộc ông Ngô Văn L và bà Lương Thị V phải trả cho bà Ngô Thị Th tổng số tiền nợ tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2020 là 4.802.852 đồng (trong đó nợ gốc là 2.200.000 đồng, tiền lãi là 2.602.852 đồng). Buộc ông Ngô Văn L phải trả cho bà Ngô Thị Th trị giá trung bình 01 mô tô công suất 2,2kw tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn L phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lương Thị V phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Ngô Thị Th.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn